

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHO VẬN TÂN CẢNG**

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA MIỀN ĐỎ  
KẾT THÚC NGHỆ THUẬT VÀ MỸ THUẬT  
PHƯƠNG AN CẤP HẸM TÀI CHÍNH

KHO VẠN TÂN CANG  
CÔNG TY CỔ PHẦN

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>14 - 43</b>

\*\*\*\*\*





# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con.

### Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 1 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

### Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Đa NghiêM Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021

### THE HISTORY OF THE

The history of the city of London is a subject of great interest to all who are concerned with the progress of the human race. It is a subject which has attracted the attention of historians and statesmen for many centuries.

#### Introduction

The history of the city of London is a subject of great interest to all who are concerned with the progress of the human race. It is a subject which has attracted the attention of historians and statesmen for many centuries.

The history of the city of London is a subject of great interest to all who are concerned with the progress of the human race. It is a subject which has attracted the attention of historians and statesmen for many centuries.

The history of the city of London is a subject of great interest to all who are concerned with the progress of the human race.

#### Chapter I

The history of the city of London is a subject of great interest to all who are concerned with the progress of the human race. It is a subject which has attracted the attention of historians and statesmen for many centuries.

#### Chapter II

The history of the city of London is a subject of great interest to all who are concerned with the progress of the human race. It is a subject which has attracted the attention of historians and statesmen for many centuries.

#### Chapter III

The history of the city of London is a subject of great interest to all who are concerned with the progress of the human race. It is a subject which has attracted the attention of historians and statesmen for many centuries.

Year	Event
1066	The Battle of Hasting
1215	The Magna Carta
1534	The Act of Supremacy
1603	The Union of the Crowns
1649	The Execution of Charles I
1688	The Glorious Revolution
1701	The Act of Settlement
1714	The Hanoverian Succession
1789	The French Revolution
1801	The Act of Union with Ireland
1832	The Reform Act
1851	The Great Exhibition
1871	The Act of Union with Wales
1881	The Land Act
1891	The Education Act
1901	The Education Act
1911	The Education Act
1918	The Representation of the People Act
1928	The Equal Franchise Act
1929	The Education Act
1930	The Education Act
1933	The Education Act
1944	The Education Act
1947	The Education Act
1952	The Education Act
1968	The Education Act
1980	The Education Act
1988	The Education Act
1992	The Education Act
1996	The Education Act
1998	The Education Act
2001	The Education Act
2004	The Education Act
2006	The Education Act
2008	The Education Act
2010	The Education Act
2012	The Education Act
2014	The Education Act
2016	The Education Act
2018	The Education Act
2020	The Education Act

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Item	Description	Quantity	Unit Price	Total
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
4	...	...	...	...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

Reference No. 12345

Date: 12/31/2023



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Quang Thảo

Ngày 9 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀI HỒ CHÍ MINH  
Số 10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Chúng tôi xin chào mừng quý khách đã lựa chọn dịch vụ của chúng tôi. Mọi chi tiết xin liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng qua số hotline 1900 123456.



Trân trọng,  
Bộ phận Marketing

Ngày tháng Năm 2024

1900 123456

1900 123456

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0462/21/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con, được lập ngày 9 tháng 8 năm 2021, từ trang 7 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101 - 102 - 103 - 104 - 105 - 106 - 107 - 108 - 109 - 110

101  
102  
103  
104  
105  
106  
107  
108  
109  
110





### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**

*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Faint, illegible text at the top of the page, possibly a header or introductory paragraph.

Faint, illegible text located above the circular stamp.



Faint, illegible text located below the circular stamp.

Vertical text on the left margin, possibly a page number or reference code.

Vertical text on the left margin, possibly a page number or reference code.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>443.878.940.057</b>	<b>402.085.279.278</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>152.714.841.137</b>	<b>165.025.053.750</b>
1. Tiền	111		48.060.766.437	31.875.053.750
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.654.074.700	133.150.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>95.000.000.000</b>	<b>68.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	95.000.000.000	68.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>184.691.755.027</b>	<b>153.622.353.932</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	175.081.831.165	133.807.650.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	5.185.582.928	15.180.101.130
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.047.984.116	8.873.596.258
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.623.643.182)	(4.238.993.882)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.446.512.378</b>	<b>3.723.551.855</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.446.512.378	3.723.551.855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.025.831.515</b>	<b>11.714.319.741</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	8.013.173.874	11.355.167.162
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	346.494.938
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	12.657.641	12.657.641
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>249.586.780.025</b>	<b>250.233.372.313</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.569.712.000</b>	<b>13.510.512.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	13.510.512.000	13.510.512.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.11	59.200.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>223.473.928.486</b>	<b>203.297.277.377</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	220.086.669.482	199.287.170.460
<i>Nguyên giá</i>	222		739.024.699.174	687.488.235.097
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(518.938.029.692)	(488.201.064.637)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.387.259.004	4.010.106.917
<i>Nguyên giá</i>	228		9.997.110.930	9.997.110.930
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.609.851.926)	(5.987.004.013)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.11	<b>2.061.680.577</b>	<b>27.406.056.834</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.061.680.577	27.406.056.834
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.481.458.962</b>	<b>6.019.526.102</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.317.931.501	5.353.142.036
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	2.163.527.461	666.384.066
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>693.465.720.082</b>	<b>652.318.651.591</b>

The data were collected from 10 different sites in the study area. The sites were selected based on their geographical location and the presence of the species of interest. The data were collected over a period of 12 months, from January to December 2018. The data were collected using a standardized protocol, which involved the following steps: (1) identification of the sites, (2) selection of the sampling points, (3) collection of the samples, and (4) analysis of the samples.

Site ID	Site Name	Latitude	Longitude	Altitude (m)	Area (km <sup>2</sup> )	Number of samples	Number of individuals
01	Site 1	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
02	Site 2	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
03	Site 3	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
04	Site 4	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
05	Site 5	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
06	Site 6	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
07	Site 7	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
08	Site 8	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
09	Site 9	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100
10	Site 10	10.1234	101.2345	100	1.0	10	100



Vertical text on the left margin, possibly a page number or reference.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>372.065.000.438</b>	<b>295.423.454.948</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>294.482.444.546</b>	<b>211.938.740.780</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	68.022.371.804	85.378.620.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.895.000	51.150.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	21.646.989.335	9.241.340.954
4. Phải trả người lao động	314		55.725.231.106	41.658.197.018
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.404.456.066	4.016.657.965
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	66.865.737.843	12.481.200.179
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	30.217.659.912	28.926.800.008
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	40.585.103.480	30.184.773.796
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>77.582.555.892</b>	<b>83.484.714.168</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.621.612.981	8.864.612.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	68.960.942.911	74.620.101.187
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>321.400.719.644</b>	<b>356.895.196.643</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>321.400.719.644</b>	<b>356.895.196.643</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		60.469.470.783	41.417.969.445
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.686.139.545	85.934.058.098
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		635.709.621	85.934.058.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.050.429.924	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		26.334.909.316	29.632.969.100
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>693.465.720.082</b>	<b>652.318.651.591</b>

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
 KHU VỰC TÂY BẮC  
 SỐ 10, QUANG PHƯƠNG, QUẬN TÂY BẮC, HÀ NỘI  
 ĐIỆN THOẠI: 04 36 36 36 36

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	01	...	...	...	...	...
2	02	...	...	...	...	...
3	03	...	...	...	...	...
4	04	...	...	...	...	...
5	05	...	...	...	...	...
6	06	...	...	...	...	...
7	07	...	...	...	...	...
8	08	...	...	...	...	...
9	09	...	...	...	...	...
10	10	...	...	...	...	...
11	11	...	...	...	...	...
12	12	...	...	...	...	...
13	13	...	...	...	...	...
14	14	...	...	...	...	...
15	15	...	...	...	...	...
16	16	...	...	...	...	...
17	17	...	...	...	...	...
18	18	...	...	...	...	...
19	19	...	...	...	...	...
20	20	...	...	...	...	...
21	21	...	...	...	...	...
22	22	...	...	...	...	...
23	23	...	...	...	...	...
24	24	...	...	...	...	...
25	25	...	...	...	...	...
26	26	...	...	...	...	...
27	27	...	...	...	...	...
28	28	...	...	...	...	...
29	29	...	...	...	...	...
30	30	...	...	...	...	...
31	31	...	...	...	...	...
32	32	...	...	...	...	...
33	33	...	...	...	...	...
34	34	...	...	...	...	...
35	35	...	...	...	...	...
36	36	...	...	...	...	...
37	37	...	...	...	...	...
38	38	...	...	...	...	...
39	39	...	...	...	...	...
40	40	...	...	...	...	...
41	41	...	...	...	...	...
42	42	...	...	...	...	...
43	43	...	...	...	...	...
44	44	...	...	...	...	...
45	45	...	...	...	...	...
46	46	...	...	...	...	...
47	47	...	...	...	...	...
48	48	...	...	...	...	...
49	49	...	...	...	...	...
50	50	...	...	...	...	...



\_\_\_\_\_  
 (Signature)

\_\_\_\_\_  
 (Signature)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	430.743.414.882	371.556.036.305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		430.743.414.882	371.556.036.305
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	341.937.264.908	293.785.670.003
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.806.149.974	77.770.366.302
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.811.780.592	3.948.831.814
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.222.329.202	4.114.698.065
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.210.622.461	4.016.686.373
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.663.897.496	4.533.393.773
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	24.698.460.266	21.025.985.957
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.033.243.602	52.045.120.321
12. Thu nhập khác	31	VI.7	224.847.836	335.273.495
13. Chi phí khác	32	VI.8	690.449.004	642.411.064
14. Lợi nhuận khác	40		(465.601.168)	(307.137.569)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.567.642.434	51.737.982.752
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		13.680.688.428	10.465.033.880
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.497.143.395)	174.992.158
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.384.097.401	41.097.956.714
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		45.912.078.233	38.674.842.475
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.472.019.168	2.423.114.239
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.689	1.472
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.689	1.472

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Giám đốc



Trần Quang Thảo

Ngày: 15/05/2018  
 Địa điểm: TP. Hồ Chí Minh  
 Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng

**PHIẾU CHẤM ĐÓNG VÀ KIỂM TRA SẢN PHẨM**

Số phiếu: 001/2018

STT	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Chất lượng	Đánh giá
1	Loại 1	kg	100	Đạt	100%
2	Loại 2	kg	200	Đạt	100%
3	Loại 3	kg	300	Đạt	100%
4	Loại 4	kg	400	Đạt	100%
5	Loại 5	kg	500	Đạt	100%
6	Loại 6	kg	600	Đạt	100%
7	Loại 7	kg	700	Đạt	100%
8	Loại 8	kg	800	Đạt	100%
9	Loại 9	kg	900	Đạt	100%
10	Loại 10	kg	1000	Đạt	100%
11	Loại 11	kg	1100	Đạt	100%
12	Loại 12	kg	1200	Đạt	100%
13	Loại 13	kg	1300	Đạt	100%
14	Loại 14	kg	1400	Đạt	100%
15	Loại 15	kg	1500	Đạt	100%
16	Loại 16	kg	1600	Đạt	100%
17	Loại 17	kg	1700	Đạt	100%
18	Loại 18	kg	1800	Đạt	100%
19	Loại 19	kg	1900	Đạt	100%
20	Loại 20	kg	2000	Đạt	100%
21	Loại 21	kg	2100	Đạt	100%
22	Loại 22	kg	2200	Đạt	100%
23	Loại 23	kg	2300	Đạt	100%
24	Loại 24	kg	2400	Đạt	100%
25	Loại 25	kg	2500	Đạt	100%
26	Loại 26	kg	2600	Đạt	100%
27	Loại 27	kg	2700	Đạt	100%
28	Loại 28	kg	2800	Đạt	100%
29	Loại 29	kg	2900	Đạt	100%
30	Loại 30	kg	3000	Đạt	100%



(Chữ ký)  
 (Chữ ký)

(Chữ ký)  
 (Chữ ký)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.567.642.434	51.737.982.752
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	28.623.379.251	33.996.878.893
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	384.649.300	110.266.643
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	7.771.536	65.972.272
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3.782.962.629)	(3.870.571.979)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.210.622.461	4.016.686.373
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		88.011.102.353	86.057.214.954
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.363.426.407)	1.137.466.660
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		277.039.477	(295.435.441)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.625.100.789	19.231.084.783
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		377.203.823	2.724.434.014
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.938.122.994)	(3.717.369.014)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(5.783.510.641)	(5.275.598.734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	35.000.000	80.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(16.006.592.716)	(12.416.265.441)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.233.793.684</b>	<b>87.525.531.781</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.390.029.702)	(10.310.770.469)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.754.850.530	4.244.673.354
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(39.635.179.172)</b>	<b>(11.066.097.115)</b>

## UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
 LIBRARY

No.	Author	Date	Title
1	...	...	...
2	...	...	...
3	...	...	...
4	...	...	...
5	...	...	...
6	...	...	...
7	...	...	...
8	...	...	...
9	...	...	...
10	...	...	...
11	...	...	...
12	...	...	...
13	...	...	...
14	...	...	...
15	...	...	...
16	...	...	...
17	...	...	...
18	...	...	...
19	...	...	...
20	...	...	...
21	...	...	...
22	...	...	...
23	...	...	...
24	...	...	...
25	...	...	...
26	...	...	...
27	...	...	...
28	...	...	...
29	...	...	...
30	...	...	...
31	...	...	...
32	...	...	...
33	...	...	...
34	...	...	...
35	...	...	...
36	...	...	...
37	...	...	...
38	...	...	...
39	...	...	...
40	...	...	...
41	...	...	...
42	...	...	...
43	...	...	...
44	...	...	...
45	...	...	...
46	...	...	...
47	...	...	...
48	...	...	...
49	...	...	...
50	...	...	...



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	10.095.101.632	8.670.001.373
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(14.463.400.004)	(20.596.020.295)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.530.684.600)	(42.473.474.947)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(8.898.982.972)</i>	<i>(54.399.493.869)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(12.300.368.460)</b>	<b>22.059.940.797</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	165.025.053.750	162.134.598.922
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.844.153)	(76.242.606)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>152.714.841.137</b>	<b>184.118.297.113</b>

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Giám đốc



Trần Quang Thảo





# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

#### 5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

Handwritten section header or title in the upper middle part of the page.

Handwritten text block, likely the beginning of a letter or document.

Handwritten text block, continuing the document's content.

- Handwritten list of items or points, possibly a checklist or agenda.

Handwritten text block, possibly a paragraph or a section of a letter.

Handwritten text block, continuing the document's content.

Handwritten text block, possibly a closing or a signature area.

Handwritten text block at the bottom of the page, possibly a footer or additional notes.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và công ty con có 657 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 646 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Handwritten text at the top of the page, possibly a header or title.

Handwritten text in the upper middle section of the page.

Handwritten text in the middle section of the page.

Handwritten text in the lower middle section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text at the bottom of the page.



Vertical text or markings along the left edge of the page.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty và công ty con chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header.

First main paragraph of handwritten text.

Second main paragraph of handwritten text.

Third main paragraph of handwritten text.

Section header for the fourth paragraph.

Fourth main paragraph of handwritten text.

Fifth main paragraph of handwritten text.

Sixth main paragraph of handwritten text.

Seventh main paragraph of handwritten text.

Section header for the eighth paragraph.

Eighth main paragraph of handwritten text.

Ninth main paragraph of handwritten text.

Tenth main paragraph of handwritten text.

Section header for the eleventh paragraph.

Eleventh main paragraph of handwritten text.

Final line of handwritten text at the bottom of the page.

Vertical handwritten text on the left margin.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 10

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và công ty con là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty và công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và công ty con hiện sở hữu.

1. Mục tiêu của chương trình

Chương trình này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để có thể vận dụng vào thực tiễn công việc. Người học cần nắm vững các kiến thức cơ bản về ... và có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan.

Chương trình được xây dựng dựa trên các yêu cầu của xã hội và ngành nghề, đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với nhu cầu đào tạo nhân lực. Người học cần có tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập.

Loại hình đào tạo	Thời gian đào tạo
Đào tạo ngắn hạn	3 - 6 tháng
Đào tạo dài hạn	1 - 2 năm
Đào tạo chuyên sâu	2 - 3 năm
Đào tạo nghiên cứu	3 - 5 năm

2. Nội dung chương trình

Nội dung chương trình bao gồm các kiến thức cơ bản về ... và các kỹ năng cần thiết để vận dụng vào thực tiễn. Chương trình được chia thành các môn học và các hoạt động thực hành, nhằm giúp người học nắm vững kiến thức và rèn luyện kỹ năng.

Chương trình được xây dựng dựa trên các yêu cầu của xã hội và ngành nghề, đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với nhu cầu đào tạo nhân lực. Người học cần có tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập.

3. Điều kiện tiên quyết

Điều kiện tiên quyết để tham gia chương trình này là người học cần có kiến thức cơ bản về ... và có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan. Người học cần có tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập.

4. Hình thức và phương pháp giảng dạy

Chương trình được giảng dạy bằng hình thức ... và phương pháp giảng dạy được áp dụng là ... nhằm giúp người học nắm vững kiến thức và rèn luyện kỹ năng.

5. Đánh giá và kiểm tra

Đánh giá và kiểm tra được thực hiện theo hình thức ... nhằm giúp người học nắm vững kiến thức và rèn luyện kỹ năng.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Handwritten text line 1, starting with a small mark on the left.

Handwritten text line 2, continuing the paragraph.

Handwritten text line 3, continuing the paragraph.

Handwritten text line 4, continuing the paragraph.

Handwritten text line 5, possibly a sub-section or marker.

Handwritten text line 6, continuing the paragraph.

Handwritten text line 7, possibly a sub-section or marker.

Handwritten text line 8, continuing the paragraph.

Handwritten text line 9, continuing the paragraph.

Handwritten text line 10, possibly a sub-section or marker.

Handwritten text line 11, continuing the paragraph.

Handwritten text line 12, possibly a sub-section or marker.

Handwritten text line 13, continuing the paragraph.

Handwritten text line 14, possibly a sub-section or marker.

Handwritten text line 15, continuing the paragraph.

Handwritten text line 16, continuing the paragraph.

Handwritten text line 17, possibly a sub-section or marker.

Handwritten text line 18, continuing the paragraph.

Vertical handwritten text on the left margin, possibly a page number or reference.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

The land revenue is the principal source of the public income of the Government. It is derived from the land tax, the land cess, and the land grant. The land tax is the most important of these sources, and it is the only one which is levied on the land itself. The land cess is a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land grant is a tax on the land which is levied in addition to the land tax and the land cess.

The land revenue is levied on the land in the form of a tax. It is levied on the land in the form of a tax on the land itself, and on the land in the form of a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land cess is a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land grant is a tax on the land which is levied in addition to the land tax and the land cess.

The land revenue is levied on the land in the form of a tax. It is levied on the land in the form of a tax on the land itself, and on the land in the form of a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land cess is a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land grant is a tax on the land which is levied in addition to the land tax and the land cess.

The land revenue is levied on the land in the form of a tax. It is levied on the land in the form of a tax on the land itself, and on the land in the form of a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land cess is a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land grant is a tax on the land which is levied in addition to the land tax and the land cess.

21. The land revenue

The land revenue is the principal source of the public income of the Government. It is derived from the land tax, the land cess, and the land grant. The land tax is the most important of these sources, and it is the only one which is levied on the land itself. The land cess is a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land grant is a tax on the land which is levied in addition to the land tax and the land cess.

22. The land revenue

The land revenue is the principal source of the public income of the Government. It is derived from the land tax, the land cess, and the land grant. The land tax is the most important of these sources, and it is the only one which is levied on the land itself. The land cess is a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land grant is a tax on the land which is levied in addition to the land tax and the land cess.

The land revenue is the principal source of the public income of the Government. It is derived from the land tax, the land cess, and the land grant. The land tax is the most important of these sources, and it is the only one which is levied on the land itself. The land cess is a tax on the land which is levied in addition to the land tax. The land grant is a tax on the land which is levied in addition to the land tax and the land cess.

1881

1881

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.425.008.895	232.097.433
Tiền gửi ngân hàng	46.635.757.542	31.642.956.317
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	104.654.074.700	133.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>152.714.841.137</u></b>	<b><u>165.025.053.750</u></b>

#### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 01 năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>105.433.562.450</i></b>	<b><i>71.227.382.672</i></b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	97.352.200.023	60.175.919.797
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	657.348.730	617.663.420
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	89.700.000	209.199.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	43.279.855	219.367.455
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	4.092.442	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	7.205.046.400	9.805.373.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	44.660.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	17.435.000	195.540.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	19.800.000	-
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>69.648.268.715</i></b>	<b><i>62.584.587.754</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>175.081.831.165</u></b>	<b><u>133.807.650.426</u></b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

##### 4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho bên liên quan</i></b>	<b><i>893.330.000</i></b>	<b><i>-</i></b>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	893.330.000	-
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b><i>4.292.252.928</i></b>	<b><i>15.180.101.130</i></b>
Công ty TNHH Hiệp Lực	3.377.628.000	6.755.256.000
Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S	-	2.393.000.000
Công ty Cổ phần Unico Vina	-	2.997.000.000
Các nhà cung cấp khác	914.624.928	3.034.845.130
<b>Cộng</b>	<b><u>5.185.582.928</u></b>	<b><u>15.180.101.130</u></b>

##### 4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH Hiệp Lực.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2017  
Môn: Toán  
Thời gian làm bài: 90 phút  
Số câu hỏi: 50 câu

1. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tính giá trị của  $f'(2)$ .

2. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập xác định của hàm số.

3. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

4. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

5. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

6. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

7. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

8. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

9. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

10. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

11. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

12. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

13. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

14. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

15. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

16. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

17. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

18. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

19. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

20. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

21. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

22. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

23. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

24. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

25. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

26. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

27. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

28. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

29. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

30. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

31. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

32. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

33. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực tiểu.

34. Cho hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ . Tìm tập giá trị của hàm số.

35. Cho hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$ . Tìm các giá trị của  $x$  để hàm số đạt cực đại.

1000

1000



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>971.378.977</b>	<b>-</b>	<b>606.957.976</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	971.378.977	-	606.957.976	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>8.076.605.139</b>	<b>-</b>	<b>8.266.638.282</b>	<b>-</b>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.299.016.211	-	1.270.904.112	-
Ký cược, ký quỹ	607.400.000	-	641.400.000	-
Tạm ứng	2.698.005.666	-	3.539.331.862	-
Các khoản chi hộ	2.797.150.119	-	2.368.021.004	-
Các khoản phải thu khác	675.033.143	-	446.981.304	-
<b>Cộng</b>	<b>9.047.984.116</b>	<b>-</b>	<b>8.873.596.258</b>	<b>-</b>

### 6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(4.238.993.882)	(3.365.212.876)
Trích lập dự phòng bổ sung	(384.649.300)	(110.266.643)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(4.623.643.182)</b>	<b>(3.475.479.519)</b>

### 7. Hàng tồn kho

Là nguyên liệu, vật liệu tồn kho.

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.607.698.728	2.587.728.086
Chi phí sửa chữa	1.711.542.874	2.018.100.336
Chi phí bảo hiểm	3.293.297.903	4.677.349.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.400.634.369	2.071.989.740
<b>Cộng</b>	<b>8.013.173.874</b>	<b>11.355.167.162</b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.065.661.459	1.716.435.180
Chi phí sửa chữa	5.014.051.624	3.369.869.828
Chi phí trả trước dài hạn khác	238.218.418	266.837.028
<b>Cộng</b>	<b>8.317.931.501</b>	<b>5.353.142.036</b>

1. Tổng số nhân viên: 100 người  
 2. Tổng số nhân viên nữ: 40 người  
 3. Tổng số nhân viên nam: 60 người

Loại nhân viên	Đã nghỉ	Chưa nghỉ	Tổng
Giáo viên	10	50	60
Giáo viên nữ	5	35	40
Giáo viên nam	5	20	25
Nhân viên khác	10	20	30
Nhân viên khác nữ	5	15	20
Nhân viên khác nam	5	5	10
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>60</b>	<b>100</b>

4. Tổng số nhân viên nữ: 40 người  
 5. Tổng số nhân viên nam: 60 người

Loại nhân viên	Đã nghỉ	Chưa nghỉ	Tổng
Giáo viên	10	50	60
Giáo viên nữ	5	35	40
Giáo viên nam	5	20	25
Nhân viên khác	10	20	30
Nhân viên khác nữ	5	15	20
Nhân viên khác nam	5	5	10
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>60</b>	<b>100</b>

6. Tổng số nhân viên nữ: 40 người  
 7. Tổng số nhân viên nam: 60 người

Loại nhân viên	Đã nghỉ	Chưa nghỉ	Tổng
Giáo viên	10	50	60
Giáo viên nữ	5	35	40
Giáo viên nam	5	20	25
Nhân viên khác	10	20	30
Nhân viên khác nữ	5	15	20
Nhân viên khác nam	5	5	10
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>60</b>	<b>100</b>

8. Tổng số nhân viên nữ: 40 người  
 9. Tổng số nhân viên nam: 60 người

Loại nhân viên	Đã nghỉ	Chưa nghỉ	Tổng
Giáo viên	10	50	60
Giáo viên nữ	5	35	40
Giáo viên nam	5	20	25
Nhân viên khác	10	20	30
Nhân viên khác nữ	5	15	20
Nhân viên khác nam	5	5	10
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>60</b>	<b>100</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	138.009.475.511	258.409.109.350	235.694.830.089	4.985.548.470	50.389.271.677	687.488.235.097
Mua trong kỳ	-	12.771.818.182	-	-	2.135.500.000	14.907.318.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	32.155.084.588	-	-	-	4.474.061.307	36.629.145.895
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>170.164.560.099</b>	<b>271.180.927.532</b>	<b>235.694.830.089</b>	<b>4.985.548.470</b>	<b>56.998.832.984</b>	<b>739.024.699.174</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.834.818.601	98.613.478.901	96.344.170.123	4.632.113.015	18.676.066.765	220.100.647.405
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	70.993.525.445	188.144.559.341	183.209.254.188	4.793.823.524	41.059.902.139	488.201.064.637
Khấu hao trong kỳ	6.643.608.812	9.066.455.218	11.847.592.333	46.092.566	3.133.216.126	30.736.965.055
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>77.637.134.257</b>	<b>197.211.014.559</b>	<b>195.056.846.521</b>	<b>4.839.916.090</b>	<b>44.193.118.265</b>	<b>518.938.029.692</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	67.015.950.066	70.264.550.009	52.485.575.901	191.724.946	9.329.369.538	199.287.170.460
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>92.527.425.842</b>	<b>73.969.912.973</b>	<b>40.637.983.568</b>	<b>145.632.380</b>	<b>12.805.714.719</b>	<b>220.086.669.482</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 184.309.237.475 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Accounting 101 - Chapter 10: Long-Term Assets

1. Depreciation is the systematic allocation of the cost of a tangible asset over its useful life.

2. Cost is the original purchase price of the asset.

3. Useful life is the number of periods over which the asset is expected to be used.

4. Residual value is the estimated value of the asset at the end of its useful life.

5. Depreciation expense is the amount of cost allocated to each period.

6. Accumulated depreciation is the total amount of depreciation expense recorded to date.

7. Book value is the original cost minus accumulated depreciation.

8. Depreciation methods include straight-line, declining balance, and double-declining balance.

9. Impairment occurs when the carrying amount of an asset exceeds its recoverable amount.

10. Disposal of an asset can result in a gain or a loss, depending on the sale price relative to book value.

11. Leases are contracts that give the lessee the right to use an asset for a period of time.

12. Intangible assets are non-physical assets that have a long-term value.

13. Research and development costs are expensed as incurred.

14. Goodwill is an intangible asset that arises from an acquisition.

15. Amortization is the process of allocating the cost of an intangible asset over its useful life.

16. Impairment loss is recognized when the carrying amount of an intangible asset exceeds its recoverable amount.

17. Lease liability is the present value of the lease payments to be made over the term of the lease.

18. Right-of-use asset is the lessee's right to use the underlying asset for the lease term.

19. Lease expense is the amount of expense recognized for each period of the lease term.

20. Lease classification depends on whether the lease is a finance lease or an operating lease.

21. Finance lease is a lease that transfers substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

22. Operating lease is a lease that does not transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

23. Lease term is the non-cancellable period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

24. Lease payments are the amounts of cash or other consideration that the lessee is required to pay to the lessor.

25. Lease discount rate is the rate used to calculate the present value of the lease payments.

26. Lease liability is measured at the present value of the lease payments.

27. Right-of-use asset is measured at the cost of the lease liability, adjusted for any lease incentives.

28. Lease expense is the sum of the amortization expense and the interest expense.

29. Lease classification is based on the substance of the lease arrangement.

30. Lease term includes the period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

31. Lease payments include the fixed payments and variable payments that depend on an index or rate.

32. Lease discount rate is the rate that reflects the credit risk of the lessee.

33. Lease liability is the amount of the lessee's obligation to make lease payments.

34. Right-of-use asset is the lessee's right to use the underlying asset for the lease term.

35. Lease expense is the amount of expense recognized for each period of the lease term.

36. Lease classification depends on whether the lease is a finance lease or an operating lease.

37. Finance lease is a lease that transfers substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

38. Operating lease is a lease that does not transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

39. Lease term is the non-cancellable period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

40. Lease payments are the amounts of cash or other consideration that the lessee is required to pay to the lessor.

41. Lease discount rate is the rate used to calculate the present value of the lease payments.

42. Lease liability is measured at the present value of the lease payments.

43. Right-of-use asset is measured at the cost of the lease liability, adjusted for any lease incentives.

44. Lease expense is the sum of the amortization expense and the interest expense.

45. Lease classification is based on the substance of the lease arrangement.

46. Lease term includes the period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

47. Lease payments include the fixed payments and variable payments that depend on an index or rate.

48. Lease discount rate is the rate that reflects the credit risk of the lessee.

49. Lease liability is the amount of the lessee's obligation to make lease payments.

50. Right-of-use asset is the lessee's right to use the underlying asset for the lease term.

51. Lease expense is the amount of expense recognized for each period of the lease term.

52. Lease classification depends on whether the lease is a finance lease or an operating lease.

53. Finance lease is a lease that transfers substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

54. Operating lease is a lease that does not transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

55. Lease term is the non-cancellable period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

56. Lease payments are the amounts of cash or other consideration that the lessee is required to pay to the lessor.

57. Lease discount rate is the rate used to calculate the present value of the lease payments.

58. Lease liability is measured at the present value of the lease payments.

59. Right-of-use asset is measured at the cost of the lease liability, adjusted for any lease incentives.

60. Lease expense is the sum of the amortization expense and the interest expense.

61. Lease classification is based on the substance of the lease arrangement.

62. Lease term includes the period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

63. Lease payments include the fixed payments and variable payments that depend on an index or rate.

64. Lease discount rate is the rate that reflects the credit risk of the lessee.

65. Lease liability is the amount of the lessee's obligation to make lease payments.

66. Right-of-use asset is the lessee's right to use the underlying asset for the lease term.

67. Lease expense is the amount of expense recognized for each period of the lease term.

68. Lease classification depends on whether the lease is a finance lease or an operating lease.

69. Finance lease is a lease that transfers substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

70. Operating lease is a lease that does not transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

71. Lease term is the non-cancellable period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

72. Lease payments are the amounts of cash or other consideration that the lessee is required to pay to the lessor.

73. Lease discount rate is the rate used to calculate the present value of the lease payments.

74. Lease liability is measured at the present value of the lease payments.

75. Right-of-use asset is measured at the cost of the lease liability, adjusted for any lease incentives.

76. Lease expense is the sum of the amortization expense and the interest expense.

77. Lease classification is based on the substance of the lease arrangement.

78. Lease term includes the period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

79. Lease payments include the fixed payments and variable payments that depend on an index or rate.

80. Lease discount rate is the rate that reflects the credit risk of the lessee.

81. Lease liability is the amount of the lessee's obligation to make lease payments.

82. Right-of-use asset is the lessee's right to use the underlying asset for the lease term.

83. Lease expense is the amount of expense recognized for each period of the lease term.

84. Lease classification depends on whether the lease is a finance lease or an operating lease.

85. Finance lease is a lease that transfers substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

86. Operating lease is a lease that does not transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee.

87. Lease term is the non-cancellable period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

88. Lease payments are the amounts of cash or other consideration that the lessee is required to pay to the lessor.

89. Lease discount rate is the rate used to calculate the present value of the lease payments.

90. Lease liability is measured at the present value of the lease payments.

91. Right-of-use asset is measured at the cost of the lease liability, adjusted for any lease incentives.

92. Lease expense is the sum of the amortization expense and the interest expense.

93. Lease classification is based on the substance of the lease arrangement.

94. Lease term includes the period for which the lessee has the right to use the underlying asset.

95. Lease payments include the fixed payments and variable payments that depend on an index or rate.

96. Lease discount rate is the rate that reflects the credit risk of the lessee.

97. Lease liability is the amount of the lessee's obligation to make lease payments.

98. Right-of-use asset is the lessee's right to use the underlying asset for the lease term.

99. Lease expense is the amount of expense recognized for each period of the lease term.

100. Lease classification depends on whether the lease is a finance lease or an operating lease.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	9.997.110.930	5.987.004.013	4.010.106.917
Khấu hao trong kỳ		622.847.913	622.847.913
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.997.110.930</b>	<b>6.609.851.926</b>	<b>3.387.259.004</b>

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.698.631.800 VND.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	14.907.318.182	(14.907.318.182)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	27.406.056.834	11.403.511.953	(36.629.145.895)	(118.742.315)	2.061.680.577
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.180.422.892	-	-	(118.742.315)	2.061.680.577
Công trình kho CFS 01	20.751.572.635	11.403.511.953	(32.155.084.588)	-	-
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	2.026.951.801	-	(2.026.951.801)	-	-
Hệ thống camera	1.726.490.908	-	(1.726.490.908)	-	-
Hạng mục khác	720.618.598	-	(720.618.598)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.406.056.834</b>	<b>26.310.830.135</b>	<b>(51.536.464.077)</b>	<b>(118.742.315)</b>	<b>2.061.680.577</b>

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 51.218.461 VND (cùng kỳ năm trước không phát sinh).

### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

#### 12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	666.384.066	903.249.698
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.497.143.395	(174.992.158)
Phát sinh trong kỳ	2.163.527.461	728.257.540
Hoàn nhập trong kỳ	(666.384.066)	(903.249.698)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.163.527.461</b>	<b>728.257.540</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

#### 12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>30.940.470.886</b>	<b>42.077.176.975</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	23.666.823.178	31.508.619.772
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.480.392.170	5.503.410.767
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	654.465.771	1.396.182.018
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	-	123.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	-	48.159.936
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	297.999.900	325.219.950
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	573.572.542	1.366.670.600
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	140.030.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	21.859.200	70.456.100
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	308.409.200	272.789.000
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	-	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.081.215.000	602.265.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	32.975.800	7.749.500
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	514.885.125	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	131.915.000	561.574.619
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	-	285.445.713
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	403.000	4.644.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	8.465.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	27.060.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>37.081.900.918</b>	<b>43.301.443.885</b>
<b>Cộng</b>	<b>68.022.371.804</b>	<b>85.378.620.860</b>

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.203.393.572	-	20.090.671.319	(14.825.680.256)	7.468.384.635	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.568.806.133	-	13.680.688.428	(5.783.510.641)	13.465.983.920	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	465.806.151	-	450.900.534	(465.806.151)	450.900.534	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.003.335.098	-	3.899.236.730	(4.640.851.582)	261.720.246	-
Các loại thuế khác	-	-	16.997.209	(16.997.209)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	-	-	-	12.657.641
<b>Cộng</b>	<b>9.241.340.954</b>	<b>12.657.641</b>	<b>38.138.494.220</b>	<b>(25.732.845.839)</b>	<b>21.646.989.335</b>	<b>12.657.641</b>







## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>3.116.987.339</b>	<b>2.059.644.719</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Chi phí sử dụng dịch vụ	2.501.074.075	2.002.045.501
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	50.717.209	57.599.218
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng - Chi phí vệ sinh, sửa chữa cont	215.260.336	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	32.726.628	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	317.209.091	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>8.287.468.727</b>	<b>1.957.013.246</b>
Chi phí lãi vay phải trả	350.404.347	77.904.880
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	1.514.239.000	584.499.877
Chi phí cho người lao động	560.750.980	773.035.840
Trích trước nguyên giá Kho CFS 01	5.030.490.385	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	831.584.015	521.572.649
<b>Cộng</b>	<b>11.404.456.066</b>	<b>4.016.657.965</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 16. Phải trả ngắn khác

#### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>34.334.431.711</b>	<b>3.858.499.576</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả	30.672.330.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	3.662.101.711	3.858.499.576
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>32.531.306.132</b>	<b>8.622.700.603</b>
Kinh phí công đoàn	1.377.470.896	1.004.330.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.720.524.076	1.630.339.229
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.560.095.309	1.584.375.102
Cổ tức phải trả	23.171.817.750	2.028.180.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.701.398.101	2.375.475.422
<b>Cộng</b>	<b>66.865.737.843</b>	<b>12.481.200.179</b>

#### 16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>8.621.612.981</b>	<b>8.621.612.981</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>-</b>	<b>243.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	-	243.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.621.612.981</b>	<b>8.864.612.981</b>

(\*) Là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng (bên liên quan) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

#### 16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 17. Vay

#### 17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.17b).

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

1. General Information  
 2. Particulars of the Loan  
 3. Security  
 4. Terms and Conditions  
 5. Signature of Borrower  
 6. Signature of Lender  
 7. Witness  
 8. Remarks

No.	Description	Amount	Remarks
1	...	...	...
2	...	...	...
3	...	...	...
4	...	...	...
5	...	...	...
6	...	...	...
7	...	...	...
8	...	...	...
9	...	...	...
10	...	...	...
11	...	...	...
12	...	...	...
13	...	...	...
14	...	...	...
15	...	...	...
16	...	...	...
17	...	...	...
18	...	...	...
19	...	...	...
20	...	...	...
21	...	...	...
22	...	...	...
23	...	...	...
24	...	...	...
25	...	...	...
26	...	...	...
27	...	...	...
28	...	...	...
29	...	...	...
30	...	...	...
31	...	...	...
32	...	...	...
33	...	...	...
34	...	...	...
35	...	...	...
36	...	...	...
37	...	...	...
38	...	...	...
39	...	...	...
40	...	...	...
41	...	...	...
42	...	...	...
43	...	...	...
44	...	...	...
45	...	...	...
46	...	...	...
47	...	...	...
48	...	...	...
49	...	...	...
50	...	...	...
51	...	...	...
52	...	...	...
53	...	...	...
54	...	...	...
55	...	...	...
56	...	...	...
57	...	...	...
58	...	...	...
59	...	...	...
60	...	...	...
61	...	...	...
62	...	...	...
63	...	...	...
64	...	...	...
65	...	...	...
66	...	...	...
67	...	...	...
68	...	...	...
69	...	...	...
70	...	...	...
71	...	...	...
72	...	...	...
73	...	...	...
74	...	...	...
75	...	...	...
76	...	...	...
77	...	...	...
78	...	...	...
79	...	...	...
80	...	...	...
81	...	...	...
82	...	...	...
83	...	...	...
84	...	...	...
85	...	...	...
86	...	...	...
87	...	...	...
88	...	...	...
89	...	...	...
90	...	...	...
91	...	...	...
92	...	...	...
93	...	...	...
94	...	...	...
95	...	...	...
96	...	...	...
97	...	...	...
98	...	...	...
99	...	...	...
100	...	...	...

No.	Description	Amount	Remarks
1	...	...	...
2	...	...	...
3	...	...	...
4	...	...	...
5	...	...	...
6	...	...	...
7	...	...	...
8	...	...	...
9	...	...	...
10	...	...	...
11	...	...	...
12	...	...	...
13	...	...	...
14	...	...	...
15	...	...	...
16	...	...	...
17	...	...	...
18	...	...	...
19	...	...	...
20	...	...	...
21	...	...	...
22	...	...	...
23	...	...	...
24	...	...	...
25	...	...	...
26	...	...	...
27	...	...	...
28	...	...	...
29	...	...	...
30	...	...	...
31	...	...	...
32	...	...	...
33	...	...	...
34	...	...	...
35	...	...	...
36	...	...	...
37	...	...	...
38	...	...	...
39	...	...	...
40	...	...	...
41	...	...	...
42	...	...	...
43	...	...	...
44	...	...	...
45	...	...	...
46	...	...	...
47	...	...	...
48	...	...	...
49	...	...	...
50	...	...	...
51	...	...	...
52	...	...	...
53	...	...	...
54	...	...	...
55	...	...	...
56	...	...	...
57	...	...	...
58	...	...	...
59	...	...	...
60	...	...	...
61	...	...	...
62	...	...	...
63	...	...	...
64	...	...	...
65	...	...	...
66	...	...	...
67	...	...	...
68	...	...	...
69	...	...	...
70	...	...	...
71	...	...	...
72	...	...	...
73	...	...	...
74	...	...	...
75	...	...	...
76	...	...	...
77	...	...	...
78	...	...	...
79	...	...	...
80	...	...	...
81	...	...	...
82	...	...	...
83	...	...	...
84	...	...	...
85	...	...	...
86	...	...	...
87	...	...	...
88	...	...	...
89	...	...	...
90	...	...	...
91	...	...	...
92	...	...	...
93	...	...	...
94	...	...	...
95	...	...	...
96	...	...	...
97	...	...	...
98	...	...	...
99	...	...	...
100	...	...	...

I, the undersigned, do hereby certify that the above is a true and correct copy of the original documents and records of the office of the Registrar of Companies, as the same appear in the books and records of the office of the Registrar of Companies, at the date of the issue of this certificate.

In witness whereof, I have signed and affixed my official seal to this certificate, at the office of the Registrar of Companies, on this \_\_\_\_\_ day of \_\_\_\_\_, 20\_\_\_\_.

\_\_\_\_\_  
 Registrar of Companies





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	-	28.926.800.008	28.926.800.008
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	-	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	15.754.259.908	15.754.259.908
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(14.463.400.004)	(14.463.400.004)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>30.217.659.912</b>	<b>30.217.659.912</b>

### 17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>	52.179.764.183	66.643.164.187
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	16.781.178.728	7.976.937.000
<b>Cộng</b>	<b>68.960.942.911</b>	<b>74.620.101.187</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Công ty mẹ vay theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKTC-TC ngày 19 tháng 11 năm 2010 và các phụ lục kèm theo ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2013, 2014, 2015 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 54 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 8%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (Công ty con) vay theo các hợp đồng ký kết tháng 12 năm 2019 để mua các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gập container), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất các khoản vay được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

<sup>(ii)</sup> Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (Lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKTC-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
THE DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5700 SOUTH CAMPUS DRIVE  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

RESEARCH REPORT

Author	Title	Date
...	...	...
...	...	...
...	...	...

Author	Title	Date
...	...	...
...	...	...
...	...	...

RESEARCH REPORT

...

...

...

...

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	30.217.659.912	28.926.800.008
Trên 1 năm đến 5 năm	62.506.643.413	71.201.413.905
Trên 5 năm	6.454.299.499	3.418.687.282
<b>Cộng</b>	<b><u>99.178.602.823</u></b>	<b><u>103.546.901.195</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	74.620.101.187	90.351.339.193
Số tiền vay phát sinh	10.095.101.632	1.494.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(15.754.259.908)	(14.266.275.008)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>68.960.942.911</u></b>	<b><u>77.579.064.185</u></b>

### 17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	3.661.357.242	25.854.666.554	668.750.000	30.184.773.796
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.198.480.876	13.713.172.900	460.268.624	26.371.922.400
Tăng khác	35.000.000	-	-	35.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(2.387.565.092)	(12.590.009.000)	(1.029.018.624)	(16.006.592.716)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>13.507.273.026</u></b>	<b><u>26.977.830.454</u></b>	<b><u>100.000.000</u></b>	<b><u>40.585.103.480</u></b>

1. The first part of the report is the title page, which should include the title, author's name, and the date of the report.

2. The second part of the report is the introduction, which should provide a brief overview of the topic and the objectives of the study.

Year	Revenue	Expenses	Profit
2018	100,000,000	80,000,000	20,000,000
2019	120,000,000	95,000,000	25,000,000
2020	150,000,000	110,000,000	40,000,000
2021	180,000,000	130,000,000	50,000,000
2022	200,000,000	145,000,000	55,000,000

3. The third part of the report is the main body, which should contain the detailed analysis and results of the study.

Category	Value	Percentage
Revenue	200,000,000	100%
Expenses	145,000,000	72.5%
Profit	55,000,000	27.5%

4. The fourth part of the report is the conclusion, which should summarize the findings and provide recommendations for future research.

5. The fifth part of the report is the bibliography, which should list all the sources used in the study.

6. The sixth part of the report is the appendix, which should contain any additional information that is relevant to the study.

7. The seventh part of the report is the index, which should provide a quick reference to the different sections of the report.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19. Vốn chủ sở hữu

##### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	149.982.580.000	53.789.799.813	127.806.161.695	27.860.759.856	359.439.301.364
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	38.674.842.475	2.423.114.239	41.097.956.714
Tăng vốn từ lợi nhuận	29.990.190.000	-	(29.990.190.000)	-	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	19.937.430.000	(19.937.430.000)	-	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(39.982.040.000)	(3.137.359.147)	(43.119.399.147)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước Công ty mẹ	-	-	(14.852.075.186)	-	(14.852.075.186)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này Công ty mẹ	-	3.973.138.593	(12.840.576.093)	-	(8.867.437.500)
Phân phối nguồn vốn, quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận kỳ này	-	306.147.670	(687.017.586)	(300.500.910)	(681.370.826)
Chênh lệch tỷ lệ nhận cổ tức tại Công ty con	-	-	(109.672.871)	109.672.871	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>38.131.656.076</b>	<b>68.081.747.265</b>	<b>26.955.686.909</b>	<b>333.079.290.250</b>
Số dư đầu năm nay	199.910.200.000	41.417.969.445	85.934.058.098	29.632.969.100	356.895.196.643
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	45.912.078.233	1.472.019.168	47.384.097.401
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(51.976.652.000)	(4.370.000.000)	(56.346.652.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước Công ty mẹ	-	13.942.092.370	(27.641.286.897)	-	(13.699.194.527)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này Công ty mẹ	-	4.955.234.785	(16.896.901.452)	-	(11.941.666.667)
Phân phối nguồn vốn, quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận kỳ này	-	154.174.183	(645.156.437)	(400.078.952)	(891.061.206)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>60.469.470.783</b>	<b>34.686.139.545</b>	<b>26.334.909.316</b>	<b>321.400.719.644</b>

Music Type	Number of People	Percentage
Pop	350	35%
Rock	250	25%
Jazz	150	15%
Classical	100	10%
R&B	80	8%
Country	70	7%
Blues	50	5%
Funk	40	4%
Soul	30	3%
Reggae	20	2%
Other	10	1%

Source: Survey of 1000 people, 2023.

Page 1 of 1

This document is a scan of a page from a book. The page contains a table with 3 columns: Music Type, Number of People, and Percentage. The table lists 11 music genres and their respective counts and percentages based on a survey of 1000 people. The genres are Pop (350, 35%), Rock (250, 25%), Jazz (150, 15%), Classical (100, 10%), R&B (80, 8%), Country (70, 7%), Blues (50, 5%), Funk (40, 4%), Soul (30, 3%), Reggae (20, 2%), and Other (10, 1%).

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
<b>Cộng</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>199.910.200.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	59,01%	117.970.500.000	-
Các cổ đông khác	81.939.700.000	40,99%	81.939.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>-</b>

### 19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 19d. Phân phối lợi nhuận

#### Tại Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 như sau::

	<u>VND</u>
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 51.976.652.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 13.942.092.370
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi	: 13.699.194.527
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 4.955.234.785
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 11.941.666.667

...the ... of ...  
...the ... of ...  
...the ... of ...  
...the ... of ...

...the ... of ...

...	...
...	...
...	...
...	...

...the ... of ...

...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

...the ... of ...

...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### Tại Công ty con

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 18 tháng 3 năm 2021 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 194.040.807
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 7.400.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 268.129.012
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 268.129.014
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 100.000.000

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 09/NQ-ĐHCD-TCHL-2021 ngày 5 tháng 3 năm 2021 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 2.500.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.663.568
• Trích thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	: 160.000.000
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 166.227.817

### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

#### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 274.331,96 USD (số đầu năm là 216.348,28 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.636.872.664	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	428.106.542.218	371.556.036.305
<b>Cộng</b>	<b>430.743.414.882</b>	<b>371.556.036.305</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

...  
...  
...

- ...
- ...
- ...
- ...
- ...

...  
...  
...

- ...
- ...
- ...
- ...

...  
...  
...

...

...  
...  
...

...  
...  
...

...	...
...	...
...	...
...	...
...	...

...  
...  
...  
...



1. The number of the ...  
 2. The name of the ...  
 3. The date of the ...

No.	Name	Address
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...
5	...	...
6	...	...
7	...	...
8	...	...
9	...	...
10	...	...

No.	Name	Address
11	...	...
12	...	...
13	...	...
14	...	...
15	...	...

No.	Name	Address
16	...	...
17	...	...
18	...	...
19	...	...
20	...	...

No.	Name	Address
21	...	...
22	...	...
23	...	...
24	...	...
25	...	...

197 No. 24/13/11





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.891.260.293	3.182.187.900
Các chi phí khác	1.772.637.203	1.351.205.873
<b>Cộng</b>	<b>4.663.897.496</b>	<b>4.533.393.773</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.927.679.873	8.164.559.680
Chi phí vật liệu quản lý	564.895.108	365.190.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	673.106.968	805.057.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	621.172.565	626.889.891
Thuế, phí và lệ phí	43.023.698	46.275.635
Dự phòng khó đòi	384.649.300	110.266.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.437.333.672	2.230.586.876
Các chi phí khác	11.046.599.082	8.677.159.154
<b>Cộng</b>	<b>24.698.460.266</b>	<b>21.025.985.957</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	120.173.801	101.814.728
Tiền bồi thường	104.000.000	221.822.813
Các khoản thu nhập khác	674.035	11.635.954
<b>Cộng</b>	<b>224.847.836</b>	<b>335.273.495</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	153.372.529	131.852.699
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	334.079.850	385.031.775
Các khoản chi phí khác	202.996.625	125.526.590
<b>Cộng</b>	<b>690.449.004</b>	<b>642.411.064</b>

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2.163.527.461)	(728.257.540)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	666.384.066	903.249.698
<b>Cộng</b>	<b>(1.497.143.395)</b>	<b>174.992.158</b>

THE UNIVERSITY OF MICHIGAN LIBRARY  
ANN ARBOR, MICHIGAN 48106-1000  
TEL: (313) 763-7000 FAX: (313) 763-7000  
WWW: WWW.LIBRARY.MICHIGAN.EDU

ACCOUNTING

ACCOUNTING

ACCOUNT	AMOUNT	DESCRIPTION
1000	1000.00	...
1001	1001.00	...
1002	1002.00	...
1003	1003.00	...
1004	1004.00	...
1005	1005.00	...
1006	1006.00	...
1007	1007.00	...
1008	1008.00	...
1009	1009.00	...
1010	1010.00	...

ACCOUNTING

ACCOUNTING

ACCOUNT	AMOUNT	DESCRIPTION
1011	1011.00	...
1012	1012.00	...
1013	1013.00	...
1014	1014.00	...
1015	1015.00	...
1016	1016.00	...
1017	1017.00	...
1018	1018.00	...
1019	1019.00	...
1020	1020.00	...

ACCOUNTING

ACCOUNTING

ACCOUNT	AMOUNT	DESCRIPTION
1021	1021.00	...
1022	1022.00	...
1023	1023.00	...
1024	1024.00	...
1025	1025.00	...
1026	1026.00	...
1027	1027.00	...
1028	1028.00	...
1029	1029.00	...
1030	1030.00	...

ACCOUNTING

ACCOUNTING

ACCOUNT	AMOUNT	DESCRIPTION
1031	1031.00	...
1032	1032.00	...
1033	1033.00	...
1034	1034.00	...
1035	1035.00	...
1036	1036.00	...
1037	1037.00	...
1038	1038.00	...
1039	1039.00	...
1040	1040.00	...

ACCOUNTING

ACCOUNTING

ACCOUNT	AMOUNT	DESCRIPTION
1041	1041.00	...
1042	1042.00	...
1043	1043.00	...
1044	1044.00	...
1045	1045.00	...
1046	1046.00	...
1047	1047.00	...
1048	1048.00	...
1049	1049.00	...
1050	1050.00	...

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

##### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.912.078.233	38.674.842.475
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.153.340.850)	(9.248.307.416)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành</i>	<i>(12.153.340.850)</i>	<i>(9.248.307.416)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	33.758.737.383	29.426.535.059
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.991.020	19.991.020
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.689</b>	<b>1.472</b>

##### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.759.395.118	33.185.317.937
Chi phí nhân công	118.008.861.623	99.017.175.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.623.379.251	33.996.878.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.214.864.847	133.802.283.730
Chi phí khác	22.184.124.802	19.343.394.108
<b>Cộng</b>	<b>368.790.625.641</b>	<b>319.345.049.733</b>





## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

#### **1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### **1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header, which is mirrored from the reverse side.

Handwritten text, likely a date or a specific reference, located below the header.

Handwritten text, possibly a name or a subject, located below the date.

Handwritten text, possibly a paragraph or a list item, located below the subject.

Handwritten text, possibly a paragraph or a list item, located below the previous line.

Handwritten text, possibly a paragraph or a list item, located below the previous line.

Handwritten text, possibly a paragraph or a list item, located below the previous line.

Handwritten text, possibly a paragraph or a list item, located below the previous line.

Handwritten text, possibly a paragraph or a list item, located below the previous line.

Handwritten text, possibly a paragraph or a list item, located below the previous line.

Vertical handwritten text on the left margin, possibly a page number or a note.

Vertical handwritten text on the left margin, possibly a page number or a note.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Kỳ này	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BQLĐH	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch Hội đồng quản trị	294.388.242	150.572.207	38.006.757	-	482.967.206
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm	252.590.180	126.432.656	68.774.131	30.000.000	477.796.967
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc (đến ngày 28 tháng 04 năm 2021)	73.499.761	94.343.018	-	-	167.842.779
Ông Đoàn Phi	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	193.788.665	96.342.299	57.915.058	30.000.000	378.046.022
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc (từ ngày 11 tháng 05 năm 2021)	33.546.391	-	-	-	33.546.391
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	137.166.703	72.580.556	43.436.293	15.000.000	268.183.552
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	54.295.367	30.000.000	84.295.367
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	54.295.367	30.000.000	84.295.367
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 17 tháng 06 năm 2021)	-	-	23.527.992	30.000.000	53.527.992
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	7.239.382	15.000.000	22.239.382
Ông Ngô Đa Nghiêm Minh	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 17 tháng 06 năm 2021)	119.504.176	62.598.539	12.668.919	15.000.000	209.771.634
<b>Cộng</b>		<b>1.104.484.118</b>	<b>602.869.275</b>	<b>360.159.266</b>	<b>195.000.000</b>	<b>2.262.512.659</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BQLĐH	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Kỳ trước</b>						
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 26 tháng 06 năm 2020)	-	-	64.465.051	40.000.000	104.465.051
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 26 tháng 06 năm 2020)	23.655.598	-	-	-	23.655.598
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	234.587.265	49.913.333	58.325.522	30.000.000	372.826.120
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc	195.218.175	42.413.053	39.906.936	-	277.538.164
Ông Đoàn Phi	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó	177.712.722	38.883.509	49.116.229	30.000.000	295.712.460
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Giám đốc (đến ngày 16 tháng 06 năm 2020)	163.345.441	38.883.509	39.906.936	-	242.135.886
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Giám đốc (đến ngày 04 tháng 12 năm 2020)	21.000.000	-	-	-	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	128.570.636	29.381.589	36.837.172	-	194.789.397
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	46.046.465	30.000.000	76.046.465
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	46.046.465	30.000.000	76.046.465
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	19.953.468	30.000.000	49.953.468
Bà Trần Hồng Diễm	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 26 tháng 06 năm 2020)	-	-	10.744.175	15.000.000	25.744.175
Ông Ngô Đa Nghiêm Minh	Thành viên Ban kiểm soát	113.909.658	41.675.227	10.744.175	15.000.000	181.329.060
<b>Cộng</b>		<b>1.057.999.495</b>	<b>241.150.220</b>	<b>422.092.594</b>	<b>220.000.000</b>	<b>1.941.242.309</b>





ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ, ಬೆಂಗಳೂರು, ಕರ್ನಾಟಕ ರಾಜ್ಯ.

ಕ್ರ. ಸಂ.	ವಿವರಣೆ	ಮೊತ್ತ	ಒಟ್ಟು	ಒಟ್ಟು	ಒಟ್ಟು
1	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	100000	100000	100000	100000
2	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	200000	200000	200000	200000
3	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	300000	300000	300000	300000
4	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	400000	400000	400000	400000
5	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	500000	500000	500000	500000
6	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	600000	600000	600000	600000
7	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	700000	700000	700000	700000
8	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	800000	800000	800000	800000
9	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	900000	900000	900000	900000
10	ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ	1000000	1000000	1000000	1000000

ಇವುಗಳ ಮೊತ್ತವು ಒಟ್ಟು 1000000 ರೂಪಾಯಿಗಳಾಗಿದೆ.

ಶ್ರೀ ಮಹಾಶ್ವೇತಾ ದೇವಿ

ಬೆಂಗಳೂರು, ಕರ್ನಾಟಕ ರಾಜ್ಯ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn

#### **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty và công ty con còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:



Handwritten text at the top of the page, possibly a header or title, which is mostly illegible due to blurring and bleed-through.

Date	Description
1912	...
1913	...
1914	...
1915	...
1916	...
1917	...
1918	...
1919	...
1920	...
1921	...
1922	...
1923	...
1924	...
1925	...
1926	...
1927	...
1928	...
1929	...
1930	...
1931	...
1932	...
1933	...
1934	...
1935	...
1936	...
1937	...
1938	...
1939	...
1940	...
1941	...
1942	...
1943	...
1944	...
1945	...
1946	...
1947	...
1948	...
1949	...
1950	...
1951	...
1952	...
1953	...
1954	...
1955	...
1956	...
1957	...
1958	...
1959	...
1960	...
1961	...
1962	...
1963	...
1964	...
1965	...
1966	...
1967	...
1968	...
1969	...
1970	...
1971	...
1972	...
1973	...
1974	...
1975	...
1976	...
1977	...
1978	...
1979	...
1980	...
1981	...
1982	...
1983	...
1984	...
1985	...
1986	...
1987	...
1988	...
1989	...
1990	...
1991	...
1992	...
1993	...
1994	...
1995	...
1996	...
1997	...
1998	...
1999	...
2000	...
2001	...
2002	...
2003	...
2004	...
2005	...
2006	...
2007	...
2008	...
2009	...
2010	...
2011	...
2012	...
2013	...
2014	...
2015	...
2016	...
2017	...
2018	...
2019	...
2020	...
2021	...
2022	...
2023	...
2024	...
2025	...
2026	...
2027	...
2028	...
2029	...
2030	...

Vertical handwritten text on the left margin, possibly a date or page number.



Handwritten text at the bottom of the page, possibly a signature or footer.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>	13.423.997.818	10.319.221.115
<i>Công ty mẹ cho thuê Cơ sở Hạ tầng</i>	13.530.000.000	10.800.000.000
<i>Chia cổ tức cho Công ty mẹ</i>	30.672.330.000	23.594.100.000
<b>Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	8.253.016.426	6.578.361.252
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	2.051.784.110	1.740.232.700
<i>Mua phần mềm</i>	-	105.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	-	143.545.050
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	181.089.892	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	783.844.682	593.299.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.537.365.099	1.403.169.681
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	1.200.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	728.476.500	660.276.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	43.781.000	61.459.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	62.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	55.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	99.154.000	153.516.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.348.850.000	1.277.681.818
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	-	387.983.912
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch biển Tân Cảng	-	5.995.994
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.403.802.363	801.939.582
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	127.300.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	366.364	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	20.086.328	-

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

1. The first part of the document is a list of names and addresses. The names are written in a cursive hand, and the addresses are in a more formal, printed style. The list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second.

Name	Address
Mr. J. H. Smith	123 Main St, New York, NY
Mrs. A. B. Jones	456 Elm St, Boston, MA
Mr. C. D. Brown	789 Oak St, Philadelphia, PA
Miss E. F. Green	101 Pine St, Chicago, IL
Mr. G. H. White	202 Cedar St, San Francisco, CA
Mrs. I. J. Black	303 Birch St, Los Angeles, CA
Mr. K. L. Gray	404 Spruce St, Portland, ME
Mrs. M. N. Hall	505 Willow St, Seattle, WA
Mr. O. P. King	606 Ash St, Denver, CO
Mrs. Q. R. Lee	707 Hickory St, Austin, TX
Mr. S. T. Young	808 Magnolia St, Houston, TX
Mrs. U. V. Adams	909 Dogwood St, Atlanta, GA
Mr. W. X. Baker	1010 Sycamore St, Memphis, TN
Mrs. Y. Z. Clark	1111 Redwood St, San Jose, CA
Mr. A. B. Evans	1212 Cypress St, San Diego, CA

This document is a list of names and addresses. The names are written in a cursive hand, and the addresses are in a more formal, printed style. The list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

#### 3. Số liệu so sánh

Ban Giám đốc đã phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty vào ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Tuy nhiên, do Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có một số thông tin đã trình bày sai sót cần sửa đổi, Ban Giám đốc đã quyết định lập và trình bày lại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ</i>					
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(65.715.865.111)	84.946.949.894	19.231.084.783	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	42.473.474.947	(84.946.949.894)	(42.473.474.947)	

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo



ĐỀ NGHỊ TẠO ĐƠN VỊ CÔNG TÁC MỚI  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đề nghị tạo đơn vị công tác mới để đáp ứng nhu cầu công tác và quản lý của đơn vị.

Đơn vị được đề nghị tạo mới là đơn vị chuyên môn, có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn công tác.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn A	Trưởng	Phòng Kế hoạch Tổng hợp
2	Trần Thị B	Trưởng	Phòng Tài chính Kế toán
3	Đỗ Văn C	Trưởng	Phòng Kỹ thuật

Đề nghị Ban Giám đốc xem xét, phê duyệt đề nghị này để tạo đơn vị công tác mới.



*(Faint handwritten signatures and text are visible in this area, including what appears to be a signature in blue ink.)*